TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST Ngày: 10-8-2018 V/v: ly hôn giữa chị M và anh L	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ,TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Được

Bà Nguyễn Thị Thương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Út M, sinh năm: 1994, "có mặt"

Địa chỉ: Tổ 24 ấp Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Anh Văn Quang L, sinh năm: 1985, "vắng mặt"

Địa chỉ: Tổ 17 ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út M trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Út M và anh Văn Quang L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình chị M tại ấp Đ, xã A, huyện Đ, chung sống được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không

lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về là anh L kiếm chuyện gây gỗ với chị M và đập phá tài sản trong gia đình. Chị M và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không sửa đổi, vì vậy chị M đã chủ động ly thân với anh L từ tháng 03 năm 2018 cho đến nay. Nay, chị M nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung và tài sản chung*: Chị M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng có nợ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải số tiền 50.000.000đồng, trước khi mở phiên tòa xét xử chị M đã dùng tiền riêng của mình để trả khoản nợ chung trên, vì vậy Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải đã rút đơn yêu cầu độc lập. Qua ý kiến của anh L trong quá trình giải quyết vụ án là chỉ đồng ý trả nợ chung số tiền 12.000.000đồng, chị M chấp nhận. Nay chị M đã trả xong nợ chung nên yêu cầu anh L phải trả lại cho chị M 12.000.000đồng.

2. Tại biên bản làm việc, bị đơn anh Văn Quang L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như diễn biến quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị M trình bày. Xét thấy tình cảm vợ chồng nay không còn nên anh L cũng chấp nhận ly hôn với chị M. Về con chung và tài sản chung, anh L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, anh L thống nhất như lời trình bày của chị M, tài sản chung anh L đã giao toàn bộ cho chị M quản lý sử dụng nên số nợ 50.000.000đồng anh L chỉ đồng ý trả 12.000.000đồng, số tiền còn lại chị M phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải. Trước khi xét xử nếu chị M trả xong nợ, anh L đồng ý trả lại cho chị M số tiền 12.000.000đồng.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1]*Về tố tụng:*

- Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị M xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Văn Quang L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2]*Về nội dung*:

[2.1]*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Út M tự nguyện kết hôn với anh Văn Quang L, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 vào ngày 26-7-2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay chị M xin ly hôn với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]*Về con chung và tài sản chung*: Chị M và anh L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xét đến.

[2.3]*Về nợ chung:* Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31-7-2017 chị M và anh L có vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để mua sắm lưới theo Hợp đồng tín dụng số 8391/HĐTD ngày 31-7-2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 111,6m^2 thuộc thửa 61 tờ bản đồ 21 xã Lộc An, huyện Đất Đỏ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11-7-2017 mang tên chị Nguyễn Thị Út M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 839/HĐTC ngày 27-7-2017. Ngày 11 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải theo Thông báo về việc thụ lý

yêu cầu độc lập số 06/TBTL-YCĐL ngày 11-5-2018. Trước khi xét xử, ngày 26-6-2018 chị M đã dùng tiền riêng của mình để trả khoản nợ chung của vợ chồng, do vậy ngày 09-7-2018 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải có đơn rút yêu cầu độc lập và ngày 11-7-2018 Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải. Như vậy số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên xác định là nợ chung của vợ chồng, theo quy định chị M và anh L mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số nợ chung. Mặc dù hiện nay nợ chung không còn nhưng tiền trả nợ là tài sản riêng của chị M, không phải tài sản chung của vợ chồng, do vậy anh L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị M ½ số tiền nợ mà chị M đã trả thay cho anh L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị M chỉ yêu cầu anh L trả 12.000.000đồng, qua làm việc anh L cũng chấp nhận yêu cầu của chị M. Xét thấy, việc thỏa thuận trên giữa chị M và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần ghi nhận, anh L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị M số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng).

[3]*Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải hoàn trả lại cho chị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út M và anh Văn Quang L thuận tình ly hôn.

2.Về con chung và tài sản chung: Chị M và anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Trước khi xét xử, chị M đã dùng tài sản riêng của mình để trả khoản nợ chung của vợ chồng cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Phước Hải, vì vậy hiện nay nợ chung không còn.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị M và anh L về việc giải quyết khoản nợ chung mà chị M đã trả thay cho anh L như sau: Anh L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị M số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5.Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Út M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008240 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Văn Quang L không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh L phải chịu 600.000đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung